

TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/BC-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 1.7/02/2021.

BÁO CÁO

**Tổng hợp kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri
tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XIV thuộc thẩm quyền giải quyết
của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Điều 32 và Điều 36 Nghị quyết liên tịch số 525/2012/NQLT/UBTVQH13-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XIV thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là kiến nghị) như sau:

I. TỔNG QUÁT VỀ NỘI DUNG KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI

Tại Kỳ họp thứ 10, Chính phủ, Thủ tướng Chính nhận được 289 kiến nghị do Ban Dân nguyện gửi đến Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ. Văn phòng Chính phủ đã gộp các câu hỏi có cùng chủ đề, nội dung thành câu chung (như tình hình phòng, chống dịch covid-19, một số vấn đề liên quan đến dự án BT...), thành 231 kiến nghị, giảm 58 kiến nghị so với danh mục Ban Dân nguyện chuyển đến và giao các bộ, ngành nghiên cứu, giải quyết và trả lời cử tri.

Năm 2020, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách và đạt được những thành tựu quan trọng, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 2,91%; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 2,23%; thu ngân sách đạt trên 98% dự toán; bội chi ngân sách nhà nước dưới 4% GDP; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt kỷ lục 543,9 tỷ USD; tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước

đạt trên 28,5%. Giải ngân vốn đầu tư công được chỉ đạo quyết liệt, cao nhất trong nhiều năm; nhiều công trình trọng điểm quốc gia được khởi công. Nông nghiệp tăng 2,68%, sản xuất công nghiệp tăng 3,36%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng 2,6%; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm xuống dưới 3%, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm, chất lượng giáo dục phổ thông và chất lượng giáo dục đại học tiếp tục được nâng lên, các chính sách tôn giáo, dân tộc tiếp tục được quan tâm...

Qua theo dõi phản ánh, cử tri và Nhân dân đánh giá cao sự chỉ đạo sâu sắc, toàn diện, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên tất cả các lĩnh vực; tập trung phòng, chống dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn, tạo mọi thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Có cơ chế, giải pháp, chính sách phù hợp kích thích mạnh mẽ các động lực tăng trưởng, tranh thủ và tận dụng tốt các cơ hội để phục hồi nhanh và phát triển bền vững các hoạt động kinh tế...

Bên cạnh đó, cử tri cũng có nhiều băn khoăn, lo lắng liên quan đến các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ, tập trung vào các nhóm vấn đề sau đây:

1. Về kế hoạch, tài chính, ngân hàng

Cử tri quan tâm đến tình hình xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; các vướng mắc trong triển khai pháp luật; các giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và phục hồi nền kinh tế; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm...

Cử tri đề nghị có giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; nâng mức vay, đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện để người dân tiếp cận và được vay vốn theo chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, kiểm tra việc các tổ chức tín dụng thực hiện Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ; có chính sách hỗ trợ đối với các hộ dân bị thiệt hại nặng nề do mưa lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, dịch bệnh...; quản lý lãi suất cho vay sản xuất nông nghiệp, phù hợp với các ngân hàng thương mại phù hợp với chính sách chung của nhà nước; có chính sách hỗ trợ tín dụng cho các dự án trồng cao su khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có giải pháp hiệu quả hơn trong quản lý tiền tệ, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phối hợp với các cấp, các ngành trong đấu tranh phòng,

chống tội phạm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các ngân hàng có vốn nhà nước, các quỹ tín dụng nhân dân; hướng dẫn về việc mua bảo hiểm tiền vay khi vay vốn ngân hàng.

Cử tri đề xuất không sử dụng quỹ đất đã giải phóng mặt bằng, trụ sở làm việc để thanh toán cho nhà đầu tư dự án BT, vì tiềm ẩn nguy cơ làm thất thoát ngân sách nhà nước, do khó đảm bảo nguyên tắc ngang giá, khi xác định giá trị quỹ đất đã giải phóng mặt bằng, trụ sở làm việc theo nguyên tắc giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường.

2. Về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Cử tri quan tâm, phản ánh, kiến nghị chủ yếu đến lĩnh vực đất đai, môi trường, khoáng sản, tài nguyên nước và biến đổi khí hậu, trong đó, tập trung vào các vấn đề: chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai; đất có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh; chuyển đổi đất được cấp làm trụ sở cơ quan, doanh nghiệp; chuyển mục đích sử dụng đất; đánh giá tác động môi trường; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường; an ninh nguồn nước; các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và khai thác cát, sỏi lòng sông.

3. Về nông nghiệp và phát triển nông thôn

Cử tri quan tâm đến việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; các cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn; công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; các vấn đề liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới; công tác xúc tiến thương mại, đảm bảo thị trường đầu ra ổn định cho các mặt hàng nông thủy sản; các chính sách để thúc đẩy liên kết trong sản xuất nông nghiệp; công tác bảo vệ và phát triển rừng; công tác sửa chữa, nâng cấp, đầu tư cho các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai; các giải pháp phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn; các chính sách phát triển thủy sản; công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm...

4. Về y tế và vệ sinh an toàn thực phẩm

Cử tri quan tâm đến công tác phòng, chống dịch COVID-19; tình trạng sản xuất, chế biến, tiêu thụ thực phẩm không bảo đảm chất lượng trên thị trường, ảnh hưởng đến quyền lợi, sức khỏe, niềm tin của người tiêu dùng, đồng thời đề nghị bố trí nguồn lực đủ mức cần thiết để củng cố và nâng cao năng lực kiểm soát an toàn thực phẩm tại tuyến huyện và tuyến xã.

5. Về sản xuất, kinh doanh, quản lý thị trường

Cử tri kiến nghị tăng cường hơn nữa công tác quản lý, giám sát chặt chẽ chất lượng, giá cả các loại hàng hóa, xử lý mạnh hơn nữa đối với các hành vi gian lận, làm hàng giả, hàng kém chất lượng nhất là đối với các mặt hàng tiêu dùng nhất là các mặt hàng thiết yếu đồng thời có giải pháp bình ổn giá cả thị trường, nhất là việc kiểm soát giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ sinh hoạt đời sống hàng ngày của nhân dân như lương thực, thực phẩm, giá điện, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... Có giải pháp tìm đầu ra cho việc xuất khẩu, cũng như đầu vào nhập nguyên liệu cho doanh nghiệp trong nước hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi, ít bị lệ thuộc vào nước ngoài.

6. Về tổ chức bộ máy nhà nước và cải cách hành chính

Cử tri quan tâm, tập trung vào các lĩnh vực: Tổ chức bộ máy, biên chế, tinh giản biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế; chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, hợp đồng lao động; chính sách tiền lương; cải cách hành chính; công tác thanh niên, công tác về hội; đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, chế độ khen thưởng; quản lý nhà nước về tôn giáo...

7. Về thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng lãng phí, bảo đảm an ninh trật tự, và an toàn xã hội

Cử tri kiến nghị tăng cường và nâng cao hiệu quả trong công tác giám sát, có biện pháp thu hồi triệt để hơn nữa đối với tài sản tham nhũng, tích cực xử lý tham nhũng vặt, tệ những nhiều, gây phiền hà của một số cán bộ, công chức trong các thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp

Nghiên cứu, điều chỉnh một số điểm quy định không phù hợp về việc xác định mức độ nghiêm trọng của vụ án tham nhũng để xác định hình thức xử lý trách nhiệm đối với thủ trưởng để xảy ra tham nhũng

8. Về xây dựng pháp luật

Cử tri kiến nghị gia tăng hình phạt với một số tội phạm phạm tội nghiêm trọng gây nguy hiểm cho xã hội như tội phạm về ma túy, cướp của giết người,... hay đối với tội phạm hiếp dâm, quấy rối tình dục, xâm hại tình dục trẻ em;

Tăng cường công tác tuyên truyền, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức phổ biến pháp luật, nhất là đối với các văn bản quy phạm pháp luật mới; có giải pháp, hướng dẫn để tháo gỡ khó khăn cho người dân trong một số vấn đề liên quan tới quốc tịch, hộ khẩu; có những chính sách khuyến khích luật sư tăng

cường tham gia các phiên tòa trợ giúp pháp lý miễn phí,... Đề nghị sửa đổi Luật Thi hành án dân sự, Luật Xử lý vi phạm hành chính.

9. Về giao thông vận tải, xây dựng

Cử tri kiến nghị cần có quy hoạch tổng thể về giao thông đô thị tại Việt Nam, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung đồng bộ giữa Luật Giao thông đường bộ và Luật Xây dựng đối với lĩnh vực giao thông đường bộ; quản lý chặt chẽ việc cấp phép xây dựng chung cư cao tầng trong khu vực nội đô, đảm bảo không gian cho quy hoạch cây xanh, thiết chế văn hoá và dịch vụ công cộng.

Cử tri quan tâm công tác quản lý đầu tư xây dựng, bảo trì, sửa chữa công trình giao thông đường bộ, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông...

10. Về khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo

Cử tri đề nghị ban hành văn bản hướng dẫn về việc xử lý tài sản được hình thành trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ nhưng không đủ điều kiện là tài sản cố định để cơ quan quản lý và cơ quan chủ trì có cơ sở triển khai thực hiện.

Cử tri tiếp tục kiến nghị Chính phủ kịp thời hướng dẫn, xử lý vướng mắc trong tinh giản biên chế và tuyển dụng, bồi dưỡng giáo viên; có chính sách hỗ trợ cho học sinh ở các địa phương vừa thoát nghèo tiếp tục được hưởng chế độ hỗ trợ học tập.

11. Về văn hóa, thông tin và truyền thông

Cử tri kiến nghị các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách cho cán bộ cơ sở thôn, cán bộ trông coi di tích lịch sử đã được xếp hạng di tích lịch sử quốc gia và tình trạng xuống cấp đạo đức ở một bộ phận công dân trong xã hội.

12. Về công tác dân tộc

Cử tri đề nghị sớm ban hành tiêu chí phân định các xã, thôn vùng dân tộc và thiểu số giai đoạn 2021-2025; rà soát các chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số để có bộ cơ chế, chính sách đồng bộ, phù hợp trên các lĩnh vực đồng thời thống nhất một cơ quan đầu mối để quản lý; đề nghị sớm triển khai Nghị quyết số 88/2019/QH14 về phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; đề nghị đề nghị quan tâm chỉ đạo công tác dân tộc, tôn giáo.

13. Về công tác đối ngoại và quốc phòng, an ninh

Cử tri kiến nghị tăng cường công tác quản lý bảo vệ biên giới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo tránh sự lợi dụng của các thế lực thù địch và chống phá cách mạng; củng cố quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển; nâng cao uy tín và vị thế quốc gia trên trường quốc tế.

Cử tri đề nghị Chính phủ quan tâm đầu tư phương tiện, trang thiết bị hậu cần cho trạm tìm kiếm cứu nạn; tăng cường tuần tra, kiểm soát hoạt động nghề cá trên các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền của nước ta không để tàu cá nước ngoài vi phạm chủ quyền, tranh giành ngư trường, đe dọa an toàn tính mạng, tài sản và lợi ích hợp pháp của ngư dân Việt Nam; giải quyết dứt điểm hồ sơ tồn đọng xác nhận liệt sĩ, cấp giấy báo tử để hoàn thiện thủ tục cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho thân nhân các gia đình liệt sĩ trên cả nước.

II. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT, TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỬ TRI GỬI ĐẾN TRƯỚC KỲ HỌP THỨ 10, QUỐC HỘI KHÓA XIV (do Ban Dân nguyện chuyển đến Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ).

Trước kỳ họp thứ 10, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận 181 kiến nghị do Ban Dân nguyện chuyển đến, Văn phòng Chính phủ rà soát gộp các kiến nghị cùng nội dung thành 138 kiến nghị và đã được giao cho 22 Bộ, cơ quan xem xét, giải quyết và có văn bản trả lời cử tri đầy đủ. Tuy nhiên, một số câu hỏi đã được gộp vì có cùng nội dung được các Bộ, cơ quan tách ra thành từng văn bản trả lời riêng cho từng địa phương, nên số liệu tổng hợp theo phản hồi của các Bộ, cơ quan là 153 kiến nghị.

Nội dung các kiến nghị liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống, kinh tế - xã hội, trong đó, nổi lên một số vấn đề cử tri nhiều địa phương kiến nghị như: các vấn đề liên quan đến công tác phòng, chống dịch Covid-19; việc nhiều người Trung Quốc nhập cảnh bất hợp pháp, tiềm ẩn nguy cơ lây nhiễm trong cộng đồng; nguyên tắc sử dụng tài sản công để thanh toán Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT); tiếp tục nghiên cứu, ban hành các chính sách hỗ trợ nông dân bị thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn và dịch bệnh; tăng cường và nâng cao hiệu quả trong công tác giám sát và có biện pháp thu hồi triệt để hơn nữa đối với tài sản tham nhũng...

Sau kỳ họp thứ 10, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận 108 kiến nghị. Hiện các Bộ đang trả lời và sẽ được tổng hợp, báo cáo bổ sung.

Đối với các kiến nghị gửi đến trước kỳ họp thứ 10, các Bộ, cơ quan được phân công đã có văn bản trả lời 144/153 kiến nghị (đạt 94,1%); trong đó đã giải quyết được 04/144 kiến nghị (chiếm 2,7%); giải trình, cung cấp thông tin đối với 127/144 kiến nghị (chiếm 88,2%); trả lời đang trong quá trình nghiên cứu, giải quyết 13/144 kiến nghị (chiếm 9,0%), chủ yếu liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản pháp luật hoặc cần được bố trí kinh phí để giải quyết, chẳng hạn như về nâng cấp, xây dựng cơ sở hạ tầng; đầu tư trang thiết bị y tế...

Kết quả tổng hợp giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri như sau:

1. Các phản ánh kiến nghị của cử tri được trả lời dưới dạng cung cấp thông tin, nội dung các văn bản quy phạm pháp luật

Thống kê có 127/144 kiến nghị (chiếm 88,2%) đã được các Bộ ngành, trả lời cử tri, thuộc các lĩnh vực sau:

a) Về kế hoạch và đầu tư, tài chính, ngân hàng

Tại Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2020 Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho các Bộ và địa phương tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch, tại Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27/7/2020 Thủ tướng Chính phủ yêu cầu cơ quan tổ chức lập quy hoạch ngành, quốc gia có văn bản thông tin đề xuất quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển và định hướng sắp xếp, phân bổ không gian trên địa bàn quốc gia, vùng, tỉnh, các hoạt động của ngành, gửi cơ quan thường trực của Hội đồng quy hoạch quốc gia, trình Hội đồng quy hoạch quốc gia chỉ đạo các địa phương lập quy hoạch vùng, tỉnh để đảm bảo xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng trình Chính phủ Dự thảo quy định một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2020 trên cơ sở tích hợp nội dung của 03 Nghị định: Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp, Nghị định về tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, Nghị định về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp nhà nước.

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021) không còn hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển

giao (Hợp đồng BT); đồng thời tại điểm d khoản 5 Điều 101 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư năm 2020 quy định dừng triển khai các dự án mới áp dụng loại Hợp đồng BT. Vì vậy, kể từ ngày 01/01/2021 sẽ không thực hiện dự án theo hình thức Hợp đồng BT nên các kiến nghị liên quan đến hoàn thiện chính sách đối với các dự án thực hiện theo hình thức Hợp đồng BT là không có cơ sở để thực hiện.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành các văn bản số 7751/NHNN-TD ngày 23/10/2020 và số 8257/NHNN-TD ngày 13/11/2020 triển khai các chính sách hỗ trợ đối với các hộ dân bị thiệt hại nặng nề do mua lũ như khoan nợ, giãn nợ và cho vay đối với các hộ dân bị thiệt hại do ngập lụt để phục hồi sản xuất.

b) Về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành nhiều giải pháp chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai, hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh; thống nhất chế định "tài sản chung của hộ gia đình" trong Luật Đất đai và Bộ luật Dân sự; chuyển đổi diện tích đất được cấp làm trụ sở cơ quan, doanh nghiệp; các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; đấu giá "quỹ đất công đã giải phóng mặt bằng, trụ sở làm việc"; an ninh nguồn nước; xem xét việc khai thác cát biển thay vì khai thác cát sông; bổ sung quy định khi mua bán bất động sản (nhà, đất) phải qua Ủy ban nhân dân địa phương của người bán xác nhận có nợ, vay hay không để tránh tình trạng trốn nợ, bỏ trốn khỏi nơi cư trú; thẩm quyền, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; thống nhất cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên nước; tài liệu đánh giá tác động môi trường.

c) Về nông nghiệp và phát triển nông thôn

Theo quy định của Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và PTNT đã thực hiện bãi bỏ một số quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm nông nghiệp. Để đảm bảo công tác quản lý ngành trong điều kiện một số quy hoạch về hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể đã bị bãi bỏ, thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và đang khẩn trương tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các Chương trình, đề án, cơ chế, chính sách theo nhiệm vụ được giao, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình, đề án thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025, như: Chiến lược phát triển các tiểu ngành, lĩnh vực giai

đoạn 2021-2030 (07 Chiến lược); Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, 04 quy hoạch ngành quốc gia, một số chương trình mục tiêu và các đề án phát triển của từng lĩnh vực chuyên ngành. Trên cơ sở đó, Bộ sẽ phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan rà soát, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách và kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của ngành giai đoạn 2021-2025.

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT thực hiện cơ cấu lại các mặt hàng nông sản theo 03 nhóm sản phẩm, đó là: i) Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia; ii) Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh; iii) Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương (sản phẩm OCOP). Ngày 14/11/2014, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có Quyết định số 4930/QĐ-BNN-KTHT về Kế hoạch Đổi mới tổ chức sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2014-2020. Theo đó, các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp cần được tập trung đổi mới, gồm: các doanh nghiệp nông nghiệp; sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp; củng cố hoạt động của các hợp tác xã; các trang trại và các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

Việc tiếp tục rà soát, xây dựng các khu dân cư để bố trí cho các hộ dân sống trong khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ lụt, sạt lở vào ở an toàn, ổn định theo kiến nghị của cử tri là cần thiết. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyển dân cư và nhà ở vùng ngập lũ Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2018-2020 (Chương trình giai đoạn 2 kéo dài) và Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 01/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 714/QĐ-TTg nêu trên, trong đó giao: các địa phương rà soát cụ thể số lượng hộ gia đình thuộc đối tượng được áp dụng. Chương trình giai đoạn 2 kéo dài; chủ động cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng bổ sung các cụm, tuyển dân cư; gia hạn thời gian thực hiện Chương trình giai đoạn 2 kéo dài đến hết năm 2025.

d) Về y tế, vệ sinh an toàn thực phẩm

Về một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch covid-19, Bộ Y tế đã phối hợp với các Bộ, ngành sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 37/NQ-CP và đã trình Chính phủ, trong đó đã đề xuất bổ sung đối tượng; sửa đổi, bổ sung chế độ kinh phí cho các đối tượng chưa được quy định theo kiến nghị của cử tri.

Bộ Y tế cũng đã cung cấp thông tin cho cử tri về một số nội dung như thanh tra xử phạt vi phạm về an toàn thực phẩm; công tác giám sát, công tác phòng, chống dịch COVID-19; xem xét cho người dân được quyền bán nội tạng...

g) Về sản xuất, kinh doanh, quản lý thị trường

Trong giai đoạn ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhằm tháo gỡ khó khăn cho sinh hoạt của nhân dân do tác động của dịch Covid-19, Chính phủ giao Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) thực hiện việc giảm giá điện, giảm tiền điện trong 3 tháng từ ngày 16 tháng 4 năm 2020 đến hết ngày 16 tháng 7 năm 2020. Đã có hơn 27 triệu khách hàng được giảm giá điện, giảm tiền điện với tổng số tiền giảm khoảng 9.300 tỷ đồng. Thực hiện Nghị quyết số 180/NQ-CP, hiện nay Bộ Công Thương đang phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan liên quan hướng dẫn việc giảm giá điện, giảm tiền điện đợt 2 cho người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 bùng phát lần 2 nhằm góp phần phục hồi kinh tế và hỗ trợ cho người dân đặc biệt là các hộ thu nhập thấp, yếu thế trong xã hội, các cơ sở lưu trú du lịch, khách hàng có kho chứa hàng hóa trong quá trình lưu thông. Theo đó, giảm 10% giá bán lẻ điện sinh hoạt từ bậc 1 đến bậc 4 quy định tại Quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện

h) Về tổ chức bộ máy nhà nước và cải cách hành chính, tiền lương

Bộ Nội vụ đang phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan hoàn thiện dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung khoản 8 Mục III của Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ.

Về cải cách chính sách tiền lương: Chính phủ đã báo cáo và được Quốc hội khóa XIV ban hành Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, trong đó tại khoản 7 Điều 3 Nghị quyết số 128/2020/QH14 giao Chính phủ: “Trong năm 2021, chưa thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở”. Chính phủ sẽ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thời điểm thực hiện điều chỉnh tăng mức lương cơ sở cho phù hợp.

i) Về thanh tra, kiểm tra, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Việc áp dụng hình thức kỷ luật được quy định tại Điều 78 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng được quy định tại khoản 2 Điều 76 của Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 có những điểm chưa phù hợp trong trường hợp bị cáo được giảm nhẹ hình phạt theo Bộ luật Hình sự hoặc trường hợp các bị cáo đều bị kết án trong cùng một khung án nhưng 01 vụ án có nhiều bị cáo trong cùng một đơn vị và 01 vụ án có một bị cáo.

Chính phủ ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Tây Ninh về việc nghiên cứu, điều chỉnh một số điểm quy định không phù hợp về việc xác định mức độ nghiêm trọng của vụ án tham nhũng để xác định hình thức xử lý trách nhiệm đối với thủ trưởng để xảy ra tham nhũng. Tại văn bản số 536/VPCP-V.I ngày 22/01/2021 Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình đã giao Thanh tra Chính phủ khẩn trương xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

k) Về xây dựng pháp luật

Để nâng cao hơn chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, ngày 11/1/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 43/CT-TTG về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật; xác định xây dựng pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; gắn kết việc xây dựng pháp luật với tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật của bộ, ngành, địa phương mình.

- Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng và yêu cầu thực tiễn để chủ động đề xuất các lĩnh vực cần ưu tiên trong xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thi hành pháp luật theo những nội dung định hướng trong các văn kiện của Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XIII, các nghị quyết, chỉ thị, kết

luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy về từng lĩnh vực cụ thể.

- Chủ động rà soát pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý để đề xuất nội dung hoàn thiện pháp luật, kịp thời xử lý những nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp thực tiễn nhằm phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội, quyền con người, quyền công dân, hội nhập quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế, nhất là các điều ước quốc tế Việt Nam mới gia nhập (CPTPP, EVFTA, RCEP...). Chú trọng thể chế hóa, hoàn thiện pháp luật về tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020). Chú trọng việc tổng kết thi hành pháp luật, đánh giá tác động của chính sách để đề xuất việc hoàn thiện pháp luật. Đề xuất xây dựng, hoàn thiện pháp luật phải đặt trong tổng thể của cả hệ thống pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, với chi phí tuân thủ thấp, phù hợp với thông lệ quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng pháp luật. Các bộ, ngành phối hợp chặt chẽ, chủ động, trách nhiệm hơn với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội. Nâng cao tính dự báo, bảo đảm tính ổn định và chất lượng của chương trình xây dựng luật, pháp lệnh.

- Đẩy mạnh và đổi mới các phương pháp, hình thức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức; chú trọng việc lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, nhất là ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản. Nghiêm túc tiếp thu, giải trình đầy đủ, thực chất các ý kiến góp ý để bảo đảm tính khả thi.

- Có giải pháp cụ thể, đồng bộ để xây dựng, bố trí, điều động, luân chuyển các cán bộ, công chức có năng lực làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, đáp ứng các yêu cầu công việc đặt ra. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ này. Củng cố kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác xây dựng pháp luật. Ưu tiên, tăng cường nguồn lực, nhất là nguồn tài chính đầu tư cho công tác xây dựng pháp luật.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác xây dựng pháp luật; phân công rõ trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân trong nghiên cứu xây dựng, đề xuất chính sách và soạn thảo, trình văn bản quy phạm pháp luật. Khắc phục triệt để tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Kết quả của hoạt

động này được xem xét là một trong các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, là tiêu chuẩn xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan, nhất là người đứng đầu. Chú trọng kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi “tham nhũng, trục lợi chính sách”.

- Chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Xác định rõ cơ chế phân công, trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật; cơ chế giám sát của cơ quan nhà nước và xã hội; tăng cường thiết chế theo dõi và đánh giá tình hình thi hành pháp luật để đề xuất các giải pháp thực thi hiệu quả; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; đối với các vụ việc vi phạm trong tổ chức thi hành pháp luật, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính quyền các cấp, kịp thời có biện pháp xử lý kiên quyết, triệt để, đúng pháp luật.

- Tăng cường hơn nữa năng lực phản ứng chính sách trong quá trình tổ chức thi hành pháp luật, nhất là trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Chú trọng đối thoại với doanh nghiệp, người dân về vướng mắc, bất cập trong thực thi chính sách, pháp luật.

- Chú trọng phổ biến, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước, tạo chuyên biến mạnh mẽ trong nhận thức và ý thức tự giác học tập, tìm hiểu pháp luật và tuân thủ pháp luật. Đổi mới phương pháp, tăng cường nguồn lực cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, coi đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là khâu đầu vào trong tổ chức thi hành pháp luật.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời phát hiện, xử lý những quy định mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với thực tiễn, trái pháp luật.

- Khai thác, ứng dụng tối đa thành tựu của khoa học, kỹ thuật, nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, nhằm bảo đảm tiến độ, nâng cao chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật.

1) Về giao thông vận tải, xây dựng

Hiện nay, thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ Tư

pháp, Bộ Công an và các cơ quan liên quan để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình các ý kiến Đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV, báo cáo Thủ tướng, đồng thời chỉ đạo Bộ Xây dựng tiếp tục phối hợp với Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật trong quản lý chất lượng công trình xây dựng để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong các văn bản pháp luật và nâng cao chất lượng công trình xây dựng.

m) Về giáo dục, đào tạo

Việc thực hiện tinh giản biên chế trong ngành giáo dục cần được các địa phương quan tâm thực hiện nghiêm theo thẩm quyền và có các giải pháp phù hợp để bảo đảm đủ số lượng giáo viên giảng dạy; đồng thời tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo nhằm đáp ứng yêu cầu giảng dạy của địa phương.

Trong năm 2021, Chính phủ sẽ tổ chức tổ chức sơ kết 05 năm thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn, trên cơ sở đó sẽ nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2016/NĐ-CP bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Ngày 11/11/2020 Tổng Thư ký Quốc hội đã có văn bản số 4078/TB-TTKQH thông báo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, giao Chính phủ ban hành hướng dẫn cụ thể theo thẩm quyền về việc tiếp tục thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến thời điểm thực hiện chính sách tiền lương mới. Chính phủ đã giao Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai, thực hiện.

n) Về thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao và du lịch

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thông tin cho cử tri nhiều giải pháp đối với cả hệ thống chính trị nói chung và các bộ, ngành nói riêng, đối với gia đình, nhà trường, xã hội và truyền thông nhằm góp phần xây dựng đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa con người Việt Nam.

Trong giai đoạn 2021-2023, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sẽ tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành để điều chỉnh, bổ sung, quy định chi tiết hơn các nội dung, trong đó có nội dung quy định về hỗ trợ đối với người trực tiếp trông coi di tích trình Chính phủ và Quốc hội xem xét ban hành, nhằm hiện thực hóa chính sách đối với đối tượng là người trông coi trực tiếp di tích.

o) Về công tác dân tộc

Tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 nêu trên, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho các Bộ, ngành, địa phương.

Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đã được Ủy ban Dân tộc trình Hội đồng thẩm định theo quy định của Luật Đầu tư công. Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 39/2020/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 về tiêu chí xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025 để làm cơ sở nghiên cứu, xây dựng, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

p) Về công tác đối ngoại

Công tác bảo vệ chủ quyền biển, đảo, lợi ích quốc gia trên biển luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, coi đây là những nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng chính sách đối ngoại. Lập trường, quan điểm nhất quán, xuyên suốt của Việt Nam là kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích hợp pháp, chính đáng trên biển của Tổ quốc phù hợp với luật pháp quốc tế, Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982).

Công tác thông tin, tuyên truyền về vấn đề biển đảo luôn được Đảng và Nhà nước tiếp tục được chú trọng và thực hiện đồng bộ nhằm kịp thời cung cấp thông tin chính xác, khách quan theo đúng diễn biến tình hình đến đồng bào, cử tri cả nước, qua đó giúp đồng bào, cử tri cả nước hiểu đúng, hiểu rõ vấn đề, tạo đồng thuận cao trong xã hội trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo và duy trì môi trường hòa bình phục vụ phát triển đất nước.

2. Các kiến nghị của cử tri đã được giải quyết xong

Các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành được nhiều văn bản quy phạm pháp luật, giải quyết nhiều vấn đề có liên quan thiết thực đến người dân, ví dụ như:

- Nghị định số 04/2021/NĐ-CP ngày 22/01/2021 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.
- Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 Về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới.
- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 Về đăng ký doanh nghiệp.
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Nghị định số 151/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành.
- Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 Về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Nghị định số 146/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.
- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn.
- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế.
- Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 Quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.
- Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
- Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 Về quản lý, sử dụng pháo.

- Nghị định số 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 Quy định về tuổi nghỉ hưu.
- Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị quyết số 164/NQ-CP ngày 05/11/2020 về việc tháo gỡ một số vướng mắc trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về Quản lý đầu tư phát triển đô thị.
- Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021-2025.

3. Các kiến nghị đang trong quá trình xem xét, giải quyết:

Thống kê có 13/144 kiến nghị (chiếm 9,0%) được các cơ quan trả lời đang trong quá trình nghiên cứu, giải quyết chủ yếu liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung một số văn bản luật, pháp lệnh cần thời gian để tổng kết, đánh giá hoặc cần được bố trí kinh phí để giải quyết, chẳng hạn như đề nghị về nâng cấp, xây dựng một số tuyến đường giao thông, trung tâm văn hóa, đê kè; thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng...

III. VIỆC TIẾP THU Ý KIẾN GIÁM SÁT VÀ TIẾP TỤC GIẢI QUYẾT CÁC KIẾN NGHỊ TỪ NHỮNG KỲ HỌP TRƯỚC

1. Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo tại công văn số 8926/VPCP-QHĐP ngày 27/10/2020 yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tiếp thu ý kiến giám sát tại Báo cáo số 591/BC-UBTVQH ngày 19/10/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khẩn trương xử lý, giải quyết dứt điểm các kiến nghị của cử tri, đặc biệt là các kiến nghị nợ đọng từ đầu nhiệm kỳ, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Về báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và nhân dân gửi tới kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ đã giao các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư,

Công Thương, Nội vụ, Công an, Y tế, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Thanh tra Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành để chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, tiếp thu, giải quyết và có văn bản gửi Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam biết, giám sát theo quy định của Hiến pháp và Pháp luật (Công văn số 8927/VPCP-QHĐP ngày 27/10/2020).

3. Về tiếp tục giải quyết 59 kiến nghị tồn đọng từ các kỳ họp trước (theo công văn số 10/BDN ngày 07/01/2021 của Ban Dân nguyện; Có phụ lục kèm theo về kết quả giải quyết).

IV. VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ CỦA NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP GỬI TRỰC TIẾP TỚI CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2021, Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ đã tiếp nhận, giải quyết như sau:

- Đã tiếp nhận được tổng số 3.427 phản ánh kiến nghị của người dân, trong đó có 1.032 phản ánh kiến nghị thuộc phạm vi xem xét, xử lý. Văn phòng Chính phủ đã phân loại, chuyển 821 phản ánh, kiến nghị tới các Bộ, cơ quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xem xét, xử lý theo thẩm quyền. Các Bộ, ngành, địa phương đã xử lý, trả lời được 572 phản ánh, kiến nghị (đạt 69,67%) và đã được đăng tải công khai kết quả xử lý trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ. Còn 249 phản ánh kiến nghị của người dân đang được các Bộ, ngành, địa phương xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

- Đã tiếp nhận 2.420 phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp, trong đó có 1.761 phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi xem xét, xử lý, số kiến nghị ngày đã được chuyển đến các bộ, ngành, địa phương xem xét, xử lý. Các Bộ đã có văn bản trả lời 1.424/1.761 kiến nghị (chiếm 80,8%). 377 kiến nghị còn lại các bộ, ngành, địa phương đang nghiên cứu, đề nghị doanh nghiệp cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu còn thiếu để tổng hợp, giải quyết.

Trên Hệ thống tại Cổng Thông tin điện tử Chính phủ cũng đã nhận được nhiều thư cảm ơn của doanh nghiệp và phản hồi tích cực từ các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp, các chuyên gia về sự nỗ lực, tinh thần quyết liệt của các bộ, ngành, địa phương trong việc tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Đánh giá chung tình hình giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri

- Công tác giải quyết, trả lời kiến nghị là nhiệm vụ quan trọng luôn được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Trưởng ngành quán triệt và thực hiện nghiêm túc. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các Bộ, ngành phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khẩn trương xem xét giải quyết, với tinh thần trách nhiệm cao, bảo đảm đúng quy định tại Nghị quyết liên tịch số 525/2012/NQLT/UBTVQH13-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 27/9/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Các kiến nghị đã được Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ tiếp nhận, khẩn trương giải quyết, phản hồi đúng quy định của pháp luật, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, thực hiện nghiêm túc theo Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg ngày 25/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị cử tri do Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến và Quyết định số 30/2020/QĐ-TTg ngày 28/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 33/2017/QĐ-TTg. Ngoài ra, một số Bộ, ngành còn thông tin thêm về việc áp dụng các quy định của pháp luật có liên quan và kế hoạch triển khai thực hiện trong thời gian tới để khắc phục những vấn đề mà cử tri bức xúc kiến nghị

- Một số kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 10 có liên quan trực tiếp đến đời sống của cử tri địa phương, nằm trong khả năng mà cơ quan có thẩm quyền có thể giải quyết ngay, đã được quan tâm giải quyết nhanh chóng, được cử tri và các đoàn đại biểu Quốc hội đánh giá cao. Đối với các kiến nghị cử tri liên quan đến nhiều lĩnh vực, cần thời gian tổng kết thực tiễn, tổng kết việc thi hành các văn bản pháp luật, cần nguồn lực, bố trí vốn để thực hiện,... các bộ, ngành cũng đã rất trách nhiệm tích cực tổ chức nghiên cứu, xác định rõ lộ trình đối với tất cả các kiến nghị đang giải quyết. Các văn bản trả lời cử tri đều do các Bộ trưởng trực tiếp trả lời và ký văn bản.

- Một số bộ, ngành có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động gắn với đời sống sản xuất - kinh doanh của người dân, doanh nghiệp, đã có nhiều đổi mới trong việc xử lý kiến nghị cử tri, trong đó thường xuyên nắm bắt ý kiến, kiến nghị để giải quyết triệt để từ cơ sở; luôn xem việc trả lời ý kiến cử tri là việc làm thường xuyên, không chỉ tập trung vào các kỳ họp Quốc hội; chủ động cử cán

bộ tham gia đầy đủ tất cả các đợt tiếp xúc cử tri để trực tiếp giải đáp mọi kiến nghị của người dân.

2. Tồn tại, vướng mắc

Một số kiến nghị chưa thể giải quyết ngay được vì đang trong quá trình nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành văn bản mới theo quy trình hoặc liên quan đến nhiều bộ, ngành, cần có sự phối hợp và triển khai thực hiện lâu dài, những bất cập trong việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Một số kiến nghị về việc ban hành các chính sách mới nên cần có thời gian tổng kết từ thực tiễn nên không thể giải quyết được ngay vấn đề mà cử tri nêu hoặc các kiến nghị về việc sửa đổi, bổ sung chính sách hiện hành, bố trí nguồn lực để thực hiện... cần có sự phối hợp với các Bộ ngành khác có liên quan nên việc giải quyết phải có lộ trình.

Số lượng kiến nghị giải trình, cung cấp thông tin chiếm tỷ lệ khá nhiều, một số nội dung kiến nghị đã được các bộ, ngành trả lời rõ ràng, đầy đủ tại nhiều kỳ họp Quốc hội, hoặc đã được pháp luật quy định nhưng vẫn tiếp tục đặt vấn đề yêu cầu các bộ, ngành giải đáp, hướng dẫn hoặc bị trùng lặp về nội dung, bản chất (cùng một kiến nghị hỏi qua nhiều kỳ họp, hoặc một kiến nghị nhiều địa phương cùng hỏi), nhưng cử tri một số địa phương khác vẫn kiến nghị lại tại các kỳ họp sau làm tăng số lượng câu hỏi. Có những nội dung kiến nghị chưa cụ thể gây khó khăn cho việc trả lời.

Một số kiến nghị của cử tri gửi đến Quốc hội chưa rõ ràng (ví dụ như kiến nghị của cử tri tỉnh Thái Bình: đối với các dự án có vi phạm, các cá nhân có liên quan đã bị xử lý thì cử tri cũng mong muốn Đảng, Nhà nước cần sớm có giải pháp để tháo gỡ các vướng mắc để các dự án này được tiếp tục triển khai, tránh gây lãng phí nguồn lực của Nhà nước đã đầu tư), hoặc không thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (Cử tri và nhân dân bày tỏ niềm tự hào, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của các cơ quan Nhà nước trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Cử tri đề nghị Đảng, Quốc hội, Chính phủ tiếp tục kiên định quan điểm trong việc đối phó dịch bệnh Covid-19, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế)... nên VPCP đã trực tiếp trao đổi lại với Đoàn Đại biểu Quốc hội của Tỉnh để xác định rõ nội dung câu hỏi. Do vậy, kiến nghị của cử tri cần cụ thể để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành liên quan tổng hợp xem xét, giải quyết theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Kiến nghị

a) Đề nghị Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Hướng dẫn các đoàn Đại biểu Quốc hội có giải đáp, cung cấp thông tin cho cử tri về những nội dung đã được giải trình hoặc đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành. Việc phân loại, tổng hợp kiến nghị của cử tri theo những nhóm vấn đề lớn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng trong việc tiếp nhận, giải quyết cũng như giúp cung cấp thông tin mang tính tổng hợp, khái quát về một số vấn đề cho các đại biểu Quốc hội và cử tri.

- Sớm đưa vào vận hành hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của cử tri qua các kỳ họp Quốc hội, được kết nối liên thông với các Bộ, ngành để nhằm hạn chế tình trạng kiến nghị có nội dung trùng lặp với các kiến nghị đã được giải quyết, các kiến nghị có nội dung chung chung, không cụ thể, nâng cao hiệu quả tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị; đồng thời công khai trên Cổng thông tin của Quốc hội nội dung trả lời kiến nghị để cử tri theo dõi.

- Đề nghị nghiên cứu, xem xét, tổng hợp những kiến nghị của các địa phương nêu cùng một vấn đề vào một câu để giảm số lượng kiến nghị tại các kỳ họp. Xem xét tổng hợp kiến nghị cử tri gửi đến kỳ họp trong thời hạn nhất định và chuyển cho các Bộ, cơ quan một lần để thuận lợi hơn trong việc theo dõi, đôn đốc, tổng hợp.

Ngoài ra, có nhiều kiến nghị của cử tri đề nghị sửa đổi, bổ sung các Luật và đã được cơ quan nghiên cứu, trả lời cử tri theo hướng đề xuất Chính phủ, Quốc hội xem xét sửa đổi, bổ sung. Do đây là các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành, quyết định của Quốc hội, Chính phủ, vì vậy đề nghị xem xét, phân loại đây là các kiến nghị giải trình, cung cấp thông tin cho cử tri.

b) Đề nghị các Đại biểu Quốc hội, đoàn Đại biểu Quốc hội tiếp tục phát huy tinh thần chủ động, tích cực trong việc trả lời, cung cấp các thông tin cơ bản, khái quát liên quan đến các lĩnh vực mà cử tri địa phương mình quan tâm. Thường xuyên cập nhật các thông tin mới về chính sách, các văn bản pháp quy về y tế, các nội dung kiến nghị đã trả lời và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội, Chính phủ...; chủ động giải thích, cung cấp thông tin kịp thời cho cử tri đối với những chính sách đã được ban hành, chủ động ghi nhận những bất cập về chính sách để kịp thời kiến nghị với các Bộ, ngành giải quyết.

Đề nghị phân loại và chuyển những kiến nghị thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện hoặc của các cơ quan chuyên môn ở địa

phương đến các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương để có thể giải quyết kịp thời, đáp ứng yêu cầu của cử tri, hạn chế việc chuyển hết tất cả các kiến nghị của cử tri, nhất là các vấn đề mang tính nguyên tắc đã được trả lời nhiều lần tại các kỳ họp, cho các cơ quan liên quan trả lời.

Một số kiến nghị của cử tri đã được xử lý từ các kỳ họp trước hoặc các chế độ, chính sách đã được ban hành, đề nghị các đoàn Đại biểu Quốc hội cập nhật thông tin tới cử tri trong quá trình tiếp xúc cử tri trước và sau mỗi kỳ họp.

c) Đối với Chính phủ, các Bộ, ngành cần tăng cường công tác phối hợp trong việc trả lời các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý của nhiều bộ ngành, bảo đảm chất lượng và thời hạn trả lời câu hỏi, kiến nghị của cử tri.

d) Đối với cử tri

Đề nghị cử tri giám sát tình hình thực hiện các chính sách tại địa phương, phối hợp với Đoàn Đại biểu Quốc hội địa phương để phản ánh, kiến nghị những nội dung thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương, tránh việc kiến nghị với các Bộ, ngành về nội dung thuộc thẩm quyền của địa phương.

Trên đây là báo cáo của Chính phủ về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 10, Quốc hội Khóa XIV thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Dân nguyện thuộc UBTWQH;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội (Vụ Dân nguyện);
- VPCP: BTCN, các PCN, TGĐ Công TTĐT,
Các Vụ: TH, ĐMDN, Cục KSTTHC;
- Lưu: VT, QHĐP (3) _{TĐT} 43

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**



Mai Tiến Dũng

Phụ lục số 1

KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT, TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI
TRƯỚC KỲ HỌP THỨ 10, QUỐC HỘI KHÓA XIV

(Kèm theo bản Báo cáo của TBC-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ)



	Bộ, Cơ quan	Tổng số kiến nghị	Tổng số kiến nghị đã trả lời	Số kiến nghị đã giải quyết				Số kiến nghị đã trả lời đang nghiên cứu giải quyết				Số kiến nghị giải trình, cung cấp thông tin
				Ban hành văn bản	Thanh tra kiểm tra	Tổ chức thực hiện	Tổng số	Đã trình ban hành	Có lộ trình	Không có lộ trình	Tổng số	
1.	Bộ Công an	19	13	0	0	0	0	0	0	0	0	13
2.	Bộ Công Thương	05	05	0	0	0	0	0	0	0	0	05
3.	Bộ Giao thông vận tải	05	05	0	0	0	0	0	0	0	0	05
4.	Bộ Giáo dục &ĐT	06	06	0	0	0	0	0	01	0	01	05
5.	Bộ Khoa học &CN	01	01	0	0	0	0	0	0	0	0	01
6.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	19	19	0	0	0	0	05	0	0	05	14
7.	Bộ Lao động - TB&XH	13	10	0	0	0	0	0	0	0	0	10
8.	Bộ Nông nghiệp&PTNT	07	07	0	0	03	03	01	0	0	01	03
9.	Bộ Nội vụ	11	11	0	0	0	0	0	03	0	03	08
10.	Bộ Ngoại giao	03	03	0	0	0	0	0	0	0	0	03
11.	Bộ Quốc phòng	04	04	0	0	0	0	0	0	0	0	04
12.	Ủy ban Dân tộc	06	06	0	0	0	0	0	01	0	01	05
13.	Bộ Tài chính	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0	10
14.	Bộ Tài nguyên &MT	09	09	0	0	01	01	0	0	0	0	08
15.	Bộ Tư pháp	06	06	0	0	0	0	0	0	0	0	06
16.	Bộ Văn hóa TT&DL	02	02	0	0	0	0	0	0	0	0	02
17.	Bộ Xây dựng	05	05	0	0	0	0	0	0	0	0	05
18.	Bộ Y tế	06	06	0	0	0	0	0	02	0	02	04

19.	Ngân hàng NNVN	06	06	0	0	0	0	0	0	0	0	06
20.	Thanh tra Chính phủ	07	07	0	0	0	0	0	0	0	0	07
21.	Văn phòng Chính phủ	02	02	0	0	0	0	0	0	0	0	02
22.	Bảo hiểm Xã hội VN	01	01	0	0	0	0	0	0	0	0	01
	Tổng số	153	144	0	0	04	04	06	03	02	13	127

Phụ lục số 2

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT, TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI TỪ CÁC KỶ HỌP TRƯỚC ĐỐI VỚI 59 KIẾN NGHỊ ĐÃ TRẢ LỜI VÀ ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT

(Kèm theo văn bản số 61./BC-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ)



	Bộ, Cơ quan	Tổng số kiến nghị	Tổng số kiến nghị đã trả lời	Số kiến nghị đã giải quyết			Số kiến nghị đã trả lời đang nghiên cứu giải quyết			Số kiến nghị giải trình, cung cấp thông tin cho cử tri
				Ban hành văn bản	Thanh tra kiểm tra	Tổ chức thực hiện	Đã trình ban hành	Có lộ trình giải quyết	Không có lộ trình giải quyết	
1.	Bộ Công an	23	23	0	0	0	0	9	14	0
2.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	01	01	0	0	0	0	0	0	1
3.	Bộ Nội vụ	06	06	2	0	0	0	0	4	0
4.	Ủy ban Dân tộc	01	01	0	0	0	0	0	0	1
5.	Bộ Y tế	05	05	1	0	0	0	3	0	1
6.	Bộ Tài chính	04	04	0	0	0	2	0	0	2
7.	Bộ Xây dựng	01	01	0	0	0	0	1	0	0
8.	Bộ Công Thương	01	01	0	0	0	0	0	0	1
9.	Bộ Lao động - TB&XH	03	03	0	0	0	0	0	0	3
10.	Bộ Giáo dục &ĐT	01	01	0	0	0	0	0	0	1
11.	Thanh tra Chính phủ	06	06	3	0	0	0	2	0	1
12.	Bộ Văn hóa TT&DL	01	01	1	0	0	0	0	0	0
13.	Bộ Quốc phòng	02	02	1	0	0	0	0	0	1
14.	Bộ Nông nghiệp&PTNT	02	02	0	0	0	0	2	0	0
15.	Bộ Tài nguyên &MT	02	02	0	0	0	01	0	0	1
	Tổng số	59	59	08	0	0	03	17	18	13